

Phụ lục IV
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐIỆN TỬ CẤP 3 (BA)
CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 7/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
I	Văn phòng UBND tỉnh	H15.01	2
1	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	H15.01.01	3
2	Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh	H15.01.02	3
II	Sở Công Thương	H15.03	2
1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Đắk Lắk	H15.03.02	3
2	Chi cục Quản lý thị trường Đắk Lắk	H15.03.04	3
III	Sở Giáo dục và Đào tạo	H15.04	2
1	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	H15.04.03	3
2	Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật	H15.04.04	3
3	Trường Trung học phổ thông dân tộc nội trú Tây Nguyên	H15.04.05	3
4	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Victory	H15.04.06	3
5	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đông Du	H15.04.07	3
6	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Hoàng Việt	H15.04.08	3
7	Trường Trung học phổ thông Buôn Đôn	H15.04.09	3
8	Trường Trung học phổ thông Buôn Hồ	H15.04.10	3
9	Trường Trung học phổ thông Buôn Ma Thuột	H15.04.11	3
10	Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát	H15.04.12	3
11	Trường Trung học phổ thông Cao Nguyên	H15.04.13	3
12	Trường Trung học phổ thông Chu Văn An	H15.04.14	3
13	Trường Trung học phổ thông Chuyên Nguyễn Du	H15.04.15	3
14	Trường Trung học phổ thông Cư M'gar	H15.04.16	3
15	Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú N'Trang Long	H15.04.17	3
16	Trường Trung học phổ thông Ea Rók	H15.04.18	3
17	Trường Trung học phổ thông Ea Súp	H15.04.19	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
18	Trường Trung học phổ thông Hai Bà Trưng	H15.04.20	3
19	Trường Trung học phổ thông Hồng Đức	H15.04.21	3
20	Trường Trung học phổ thông Hùng Vương	H15.04.22	3
21	Trường Trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng	H15.04.23	3
22	Trường Trung học phổ thông Không Ana	H15.04.24	3
23	Trường Trung học phổ thông Không Bông	H15.04.25	3
24	Trường Trung học phổ thông Lắc	H15.04.26	3
25	Trường Trung học phổ thông Lê Duẩn	H15.04.27	3
26	Trường Trung học phổ thông số 1 Lê Hồng Phong	H15.04.28	3
27	Trường Trung học phổ thông Lê Hữu Trác	H15.04.29	3
28	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn	H15.04.30	3
29	Trường Trung học phổ thông Lý Tự Trọng	H15.04.31	3
30	Trường Trung học phổ thông số 1 Ngô Gia Tự	H15.04.32	3
31	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Bình Khiêm	H15.04.33	3
32	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Công Trứ	H15.04.34	3
33	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Huệ	H15.04.35	3
34	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Tất Thành	H15.04.36	3
35	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Thái Bình	H15.04.37	3
36	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Thị Minh Khai	H15.04.38	3
37	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Trãi	H15.04.39	3
38	Trường Trung học phổ thông số 1 Nguyễn Trường Tộ	H15.04.40	3
39	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	H15.04.41	3
40	Trường Trung học phổ thông số 1 Phạm Văn Đồng	H15.04.42	3
41	Trường Trung học phổ thông số 1 Phan Bội Châu	H15.04.43	3
42	Trường Trung học phổ thông số 1 Phan Chu Trinh	H15.04.44	3
43	Trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu	H15.04.45	3
44	Trường Trung học phổ thông số 1 Phan Đình Phùng	H15.04.46	3
45	Trường Trung học phổ thông Ea H'leo	H15.04.47	3
46	Trường Trung học phổ thông Phú Xuân	H15.04.48	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
47	Trường Trung học phổ thông Quang Trung	H15.04.49	3
48	Trường Trung học phổ thông số 1 Tôn Đức Thắng	H15.04.50	3
49	Trường Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa	H15.04.51	3
50	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	H15.04.52	3
51	Trường Trung học phổ thông Trần Nhân Tông	H15.04.53	3
52	Trường Trung học phổ thông số 1 Trần Phú	H15.04.54	3
53	Trường Trung học phổ thông Trần Quang Khải	H15.04.55	3
54	Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Toản	H15.04.56	3
55	Trường Trung học phổ thông Trường Chinh	H15.04.57	3
56	Trường Trung học phổ thông Việt Đức	H15.04.58	3
57	Trường Trung học phổ thông Y Jút	H15.04.59	3
58	Trường Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	H15.04.60	3
59	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Chí Thanh	H15.04.61	3
60	Trường Trung học phổ thông Võ Nguyên Giáp	H15.04.62	3
61	Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk	H15.04.63	3
62	Trường Trung cấp Đắk Lắk	H15.04.64	3
63	Trường PTDTNT Trung học phổ thông Đam San	H15.04.65	3
64	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Buôn Ma Thuột	H15.04.66	3
65	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Buôn Hồ	H15.04.67	3
66	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Buôn Đôn	H15.04.68	3
67	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Cư M'gar	H15.04.69	3
68	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Cư Kuin	H15.04.70	3
69	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Ea Súp	H15.04.71	3
70	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Ea Kar	H15.04.72	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
71	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Ea H'leo	H15.04.73	3
72	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Krông Bông	H15.04.74	3
73	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Krông Ana	H15.04.75	3
74	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Krông Pắc	H15.04.76	3
75	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Krông Búk	H15.04.77	3
76	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Krông Năng	H15.04.78	3
77	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Lắc	H15.04.79	3
78	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên M'Đrăk	H15.04.80	3
79	Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập Phú Yên	H15.04.81	3
80	Trường PTDTNT Trung học phổ thông Phú Yên	H15.04.82	3
81	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An	H15.04.83	3
82	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Khuyến	H15.04.84	3
83	Trường Trung học phổ thông chuyên Lương Văn Chánh	H15.04.85	3
84	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	H15.04.86	3
85	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Công Trứ	H15.04.87	3
86	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Thị Minh Khai	H15.04.88	3
87	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Trường Tộ	H15.04.89	3
88	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh	H15.04.90	3
89	Trường Trung học phổ thông số 2 Phan Chu Trinh	H15.04.91	3
90	Trường Trung học phổ thông số 2 Trần Phú	H15.04.92	3
91	Trường Trung cấp Nghề Thanh niên Dân tộc Phú Yên	H15.04.93	3
92	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Bá Ngọc	H15.04.94	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
93	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Viết Xuân	H15.04.95	3
94	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Võ Nguyên Giáp	H15.04.96	3
95	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Võ Văn Kiệt	H15.04.97	3
96	Trường Trung học phổ thông Lê Thành Phương	H15.04.98	3
97	Trường Trung học phổ thông Lê Trung Kiên	H15.04.99	3
98	Trường Trung học phổ thông số 2 Ngô Gia Tự	H15.04.100	3
99	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du	H15.04.101	3
100	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Huệ	H15.04.102	3
101	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Thái Bình	H15.04.103	3
102	Trường Trung học phổ thông số 2 Nguyễn Trãi	H15.04.104	3
103	Trường Trung học phổ thông số 2 Phạm Văn Đồng	H15.04.105	3
104	Trường Trung học phổ thông số 2 Phan Bội Châu	H15.04.106	3
105	Trường Trung học phổ thông số 2 Phan Đình Phùng	H15.04.107	3
106	Trường Trung học phổ thông số 2 Lê Hồng Phong	H15.04.108	3
107	Trường Trung học phổ thông số 2 Tôn Đức Thắng	H15.04.109	3
108	Trường Trung học phổ thông Trường Trần Bình Trọng	H15.04.110	3
109	Trường Trung học phổ thông Trần Quốc Tuấn	H15.04.111	3
110	Trường Trung học phổ thông Trần Suyền	H15.04.112	3
111	Trường Trung học phổ thông Võ Thị Sáu	H15.04.113	3
112	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực	H15.04.114	3
113	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Phú Yên	H15.04.115	3
114	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sông Hinh	H15.04.116	3
115	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sông Cầu	H15.04.117	3
116	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Đồng Xuân	H15.04.118	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
117	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Tây Hòa	H15.04.119	3
118	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Phú Hòa	H15.04.120	3
119	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Đông Hòa	H15.04.121	3
120	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Tuy An	H15.04.122	3
IV	Sở Khoa học và Công nghệ	H15.07	2
1	Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	H15.07.02	3
2	Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ	H15.07.03	3
3	Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh	H15.07.04	3
V	Sở Nội vụ	H15.10	2
1	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	H15.10.04	3
2	Trung tâm Dịch vụ việc làm	H15.10.05	3
3	Trung tâm Điều dưỡng Người có công	H15.10.06	3
VI	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H15.50	2
1	Trung tâm Công nghệ Thông tin Nông nghiệp và Môi trường	H15.50.02	3
2	Chi cục Quản lý đất đai	H15.50.03	3
3	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	H15.50.04	3
4	Văn phòng Đăng ký đất đai	H15.50.05	3
5	Chi cục Bảo vệ môi trường	H15.50.06	3
6	Ban Quản lý rừng phòng hộ Lắc	H15.50.07	3
7	Vườn Quốc gia Ea Sô	H15.50.08	3
8	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Cầu	H15.50.09	3
9	Ban Quản lý Khu Bảo tồn Loài sinh cảnh Thông Nước - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.10	3
10	Ban Quản lý Rừng Đặc dụng Nam Ka - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.11	3
11	Ban Quản lý rừng Lịch sử - Văn hóa - Môi trường Hồ Lắk - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.12	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
12	Ban Quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân	H15.50.13	3
13	Ban Quản lý rừng Phòng hộ Núi Vọng Phu	H15.50.15	3
14	Chi cục Chăn nuôi và Thú y - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.16	3
15	Chi cục Kiểm lâm - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.17	3
16	Chi cục Phát triển Nông thôn - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.18	3
17	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.19	3
18	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.20	3
19	Chi cục Thủy sản và Biển đảo - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.21	3
20	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật - Sở NNMT tỉnh Đắk Lắk	H15.50.22	3
21	Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường	H15.50.23	3
22	Ban Quản lý rừng phòng hộ Sơn Hòa	H15.50.24	3
23	Trung tâm Bảo tồn voi, cứu hộ động vật và quản lý bảo vệ rừng	H15.50.25	3
24	Trung tâm Khuyến nông	H15.50.26	3
25	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	H15.50.27	3
26	Ban Quản lý cảng cá	H15.50.29	3
27	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk	H15.50.30	3
28	Vườn Quốc gia Chư Yang Sin	H15.50.31	3
29	Dự án SACCR	H15.50.32	3
30	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Hòa	H15.50.33	3
31	Ban rừng phòng hộ Sông Hinh	H15.50.34	3
VII	Sở Tài chính	H15.12	2
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Đắk Lắk	H15.12.01	3
VIII	Sở Tư pháp	H15.14	2
1	Phòng Công chứng Số 1	H15.14.01	3
2	Phòng Công chứng Số 2	H15.14.02	3
3	Phòng Công chứng Số 3	H15.14.03	3
4	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản 1	H15.14.05	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
5	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước 1	H15.14.06	3
6	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 2 tỉnh Đắk Lắk	H15.14.07	3
7	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 tỉnh Đắk Lắk	H15.14.08	3
IX	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	H15.15	2
1	Bảo tàng Đắk Lắk	H15.15.01	3
2	Đoàn Ca múa Dân tộc	H15.15.02	3
3	Thư viện tỉnh	H15.15.04	3
4	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh	H15.15.05	3
5	Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng	H15.15.06	3
6	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	H15.15.07	3
7	Trung tâm Văn hóa	H15.15.08	3
8	Bảo tàng Di sản Công viên địa chất Phú Yên	H15.15.07	3
9	Nhà hát Ca múa nhạc dân gian Sao Biển	H15.15.08	3
10	Ban quản lý Công viên địa chất Phú Yên	H15.15.09	3
11	Ban Quản lý di tích Phú yên	H15.15.10	3
X	Sở Xây dựng	H15.16	2
1	Bến xe liên tỉnh.	H15.16.03	3
2	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải 78.01S	H15.16.04	3
3	Trung tâm Quy hoạch và Tư vấn xây dựng.	H15.16.05	3
4	Trung tâm Giám định, kiểm định chất lượng xây dựng.	H15.16.06	3
5	Ban Quản lý bảo trì đường bộ.	H15.16.07	3
XI	Sở Y tế	H15.17	2
1	Bệnh viện Đa khoa thành phố Buôn Ma Thuột	H15.17.01	3
2	Bệnh viện Đa khoa khu vực 333	H15.17.02	3
3	Bệnh viện Đa khoa Buôn Hồ	H15.17.03	3
4	Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	H15.17.04	3
5	Bệnh viện Phổi	H15.17.05	3
6	Bệnh viện Mắt	H15.17.06	3
7	Bệnh viện Tâm thần	H15.17.07	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
8	Bệnh viện Y học cổ truyền	H15.17.08	3
9	Bệnh viện Da Liễu tỉnh Đắk Lắk	H15.17.11	3
10	Trung tâm giám định Y khoa	H15.17.12	3
11	Trung tâm Huyết học Truyền máu	H15.17.13	3
12	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	H15.17.14	3
13	Trung tâm Pháp y	H15.17.15	3
14	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	H15.17.16	3
15	Trung tâm y tế thành phố Buôn Ma Thuột	H15.17.17	3
16	Trung tâm y tế thị xã Buôn Hồ	H15.17.18	3
17	Trung tâm y tế huyện Buôn Đôn	H15.17.19	3
18	Trung tâm y tế huyện Cư Kuin	H15.17.20	3
19	Trung tâm y tế huyện Cư M'gar	H15.17.21	3
20	Trung tâm y tế huyện Ea H' Leo	H15.17.22	3
21	Trung tâm y tế huyện Ea Kar	H15.17.23	3
22	Trung tâm y tế huyện Ea Súp	H15.17.24	3
23	Trung tâm y tế huyện Krông Ana	H15.17.25	3
24	Trung tâm y tế huyện Krông Bông	H15.17.26	3
25	Trung tâm y tế huyện Krông Búk	H15.17.27	3
26	Trung tâm y tế huyện Krông Năng	H15.17.28	3
27	Trung tâm y tế huyện Krông Pắc	H15.17.29	3
28	Trung tâm y tế huyện Lắk	H15.17.30	3
29	Trung tâm y tế huyện M'Đrăc	H15.17.31	3
30	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Đắk Lắk	H15.17.32	3
31	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đắk Lắk	H15.17.33	3
32	Bệnh viện Đa khoa Phú Yên	H15.17.34	3
33	Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên	H15.17.35	3
34	Bệnh viện Mắt Phú Yên	H15.17.36	3
35	Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trẻ em tỉnh Đắk Lắk	H15.17.37	3
36	Trung tâm Cấp cứu 115 Phú Yên	H15.17.38	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
37	Trung tâm Nuôi dưỡng người có công và Công tác xã hội Phú Yên	H15.17.39	3
38	Trung tâm Y tế Tuy Hòa	H15.17.40	3
39	Trung tâm Y tế khu vực Đông Hòa	H15.17.41	3
40	Trung tâm Y tế Sông Cầu	H15.17.42	3
41	Trung tâm Y tế Đồng Xuân	H15.17.43	3
42	Trung tâm Y tế Phú Hòa	H15.17.44	3
43	Trung tâm Y tế Sông Hinh	H15.17.45	3
44	Trung tâm Y tế Tây Hòa	H15.17.46	3
45	Trung tâm Y tế Sơn Hòa	H15.17.47	3
46	Trung tâm Y tế Tuy An	H15.17.48	3
XII	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	H15.53	2
1	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp Công nghệ cao Phú Yên	H15.53.01	3
2	Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên	H15.53.02	3
XIII	Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk	H15.54	2
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng Buôn Hồ	H15.54.01	3
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng Ea H'Leo	H15.54.02	3
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng Ea Súp	H15.54.03	3
4	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Krông Năng	H15.54.04	3
5	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Krông Búk	H15.54.05	3
6	Ban QLDA đầu tư xây dựng Buôn Đôn	H15.54.06	3
7	Ban QLDA đầu tư xây dựng Cư M'gar	H15.54.07	3
8	Ban QLDA đầu tư xây dựng Ea Kar	H15.54.08	3
9	Ban QLDA đầu tư xây dựng M'Drăk	H15.54.09	3
10	Ban QLDA đầu tư xây dựng Krông Pắc	H15.54.10	3
11	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Krông Bông	H15.54.11	3
12	Ban QLDA đầu tư xây dựng Krông Ana	H15.54.12	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
13	Ban QLDA Đầu tư xây dựng Lắc	H15.54.13	3
14	Ban QLDA đầu tư xây dựng Cư Kuin	H15.54.14	3
XIV	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp - tỉnh Đắk Lắk	H15.55	2
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Buôn Ma Thuột	H15.55.01	3
XV	Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk	H15.51	3
1	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Buôn Ma Thuột	H15.51.01	3
2	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Dray Bhăng	H15.51.02	3
3	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Krông Pắc	H15.51.03	3
4	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Ea Kar	H15.51.04	3
5	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Buôn Hồ	H15.51.05	3
6	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Quảng Phú	H15.51.06	3
7	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Ea H'Leo	H15.51.07	3
8	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Tuy Hòa	H15.51.08	3
9	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Sông Cầu	H15.51.09	3
10	Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Đông Hòa	H15.51.10	3
XVI	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía đông tỉnh Đắk Lắk	H15.56	2
1	Ban Quản lý Dịch vụ Công ích Tuy Hòa	H15.56.01	3
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tuy Hòa	H15.56.02	3
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phú Hòa	H15.56.03	3
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Sơn Hòa	H15.56.04	3
5	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đông Hòa	H15.56.05	3
6	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tây Hòa	H15.56.06	3
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Sông Hinh	H15.56.07	3
8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Sông Cầu	H15.56.08	3
9	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Tuy An	H15.56.09	3
10	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Đồng Xuân	H15.56.10	3
XVII	Công an tỉnh Đắk Lắk	H15.39	2

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
1	Phòng An ninh đối ngoại	H15.39.01	3
2	Phòng An ninh nội địa	H15.39.02	3
3	Phòng An ninh chính trị nội bộ	H15.39.03	3
4	Phòng An ninh kinh tế	H15.39.04	3
5	Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao	H15.39.05	3
6	Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ và Ngoại tuyến	H15.39.06	3
7	Phòng Quản lý xuất nhập cảnh	H15.39.07	3
8	Phòng An ninh điều tra	H15.39.08	3
9	Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra	H15.39.09	3
10	Phòng Cảnh sát hình sự	H15.39.10	3
11	Phòng Cảnh sát kinh tế	H15.39.11	3
12	Phòng Cảnh sát ma túy	H15.39.12	3
13	Phòng Cảnh sát quản lý hành chính	H15.39.13	3
14	Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH	H15.39.14	3
15	Phòng Cảnh sát giao thông	H15.39.15	3
16	Phòng Kỹ thuật hình sự	H15.39.16	3
17	Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	H15.39.17	3
18	Trại tạm giam số 1	H15.39.18	3
19	Trại tạm giam số 2	H15.39.19	3
20	Phòng Cảnh sát cơ động	H15.39.20	3
21	Phòng Tham mưu	H15.39.21	3
22	Phòng Hồ sơ nghiệp vụ	H15.39.22	3
23	Phòng Tổ chức cán bộ	H15.39.23	3
24	Phòng Công tác đảng	H15.39.24	3
25	Phòng Thanh tra	H15.39.25	3
26	Ủy ban kiểm tra	H15.39.26	3
27	Phòng Hậu cần	H15.39.27	3
28	Bệnh viện Công an tỉnh số 1	H15.39.28	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
29	Bệnh viện Công an tỉnh số 2	H15.39.29	3
30	Công an xã Hòa Phú	H15.39.30	3
31	Công an phường Buôn Ma Thuật	H15.39.31	3
32	Công an phường Tân An	H15.39.32	3
33	Công an phường Tân Lập	H15.39.33	3
34	Công an phường Thành Nhất	H15.39.34	3
35	Công an phường Ea Kao	H15.39.35	3
36	Công an xã Ea Drông	H15.39.36	3
37	Công an phường Buôn Hồ	H15.39.37	3
38	Công an phường Cư Bao	H15.39.38	3
39	Công an xã Ea Súp	H15.39.39	3
40	Công an xã Ea Rók	H15.39.40	3
41	Công an xã Ea Bung	H15.39.41	3
42	Công an xã Ia Rvê	H15.39.42	3
43	Công an xã Ia Lốp	H15.39.43	3
44	Công an xã Ea Wer	H15.39.44	3
45	Công an xã Ea Nuôi	H15.39.45	3
46	Công an xã Buôn Đôn	H15.39.46	3
47	Công an xã Ea Kiết	H15.39.47	3
48	Công an xã Ea M'Droh	H15.39.48	3
49	Công an xã Quảng Phú	H15.39.49	3
50	Công an xã Cuôr Đăng	H15.39.50	3
51	Công an xã Cư M'gar	H15.39.51	3
52	Công an xã Ea Tul	H15.39.52	3
53	Công an xã Pong Drang	H15.39.53	3
54	Công an xã Krông Búk	H15.39.54	3
55	Công an xã Cư Pong	H15.39.55	3
56	Công an xã Ea Khăl	H15.39.56	3
57	Công an xã Ea Drăng	H15.39.57	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
58	Công an xã Ea Wy	H15.39.58	3
59	Công an xã Ea H'leo	H15.39.59	3
60	Công an xã Ea Hiao	H15.39.60	3
61	Công an xã Krông Năng	H15.39.61	3
62	Công an xã Dliê Ya	H15.39.62	3
63	Công an xã Tam Giang	H15.39.63	3
64	Công an xã Phú Xuân	H15.39.64	3
65	Công an xã Krông Pắc	H15.39.65	3
66	Công an xã Ea Knuéc	H15.39.66	3
67	Công an xã Tân Tiến	H15.39.67	3
68	Công an xã Ea Phê	H15.39.68	3
69	Công an xã Ea Kly	H15.39.69	3
70	Công an xã Vụ Bồn	H15.39.70	3
71	Công an xã Ea Kar	H15.39.71	3
72	Công an xã Ea Ô	H15.39.72	3
73	Công an xã Ea Knốp	H15.39.73	3
74	Công an xã Cư Yang	H15.39.74	3
75	Công an xã Ea Pál	H15.39.75	3
76	Công an xã M'Drắk	H15.39.76	3
77	Công an xã Ea Riêng	H15.39.77	3
78	Công an xã Cư M'ta	H15.39.78	3
79	Công an xã Krông Á	H15.39.79	3
80	Công an xã Cư Pao	H15.39.80	3
81	Công an xã Ea Trang	H15.39.81	3
82	Công an xã Hòa Sơn	H15.39.82	3
83	Công an xã Dang Kang	H15.39.83	3
84	Công an xã Krông Bông	H15.39.84	3
85	Công an xã Yang Mao	H15.39.85	3
86	Công an xã Cư Pui	H15.39.86	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
87	Công an xã Liên Sơn Lắc	H15.39.87	3
88	Công an xã Đắc Liêng	H15.39.88	3
89	Công an xã Nam Ka	H15.39.89	3
90	Công an xã Đắc Phoi	H15.39.90	3
91	Công an xã Krông Nô	H15.39.91	3
92	Công an xã Ea Ning	H15.39.92	3
93	Công an xã Dray Bhang	H15.39.93	3
94	Công an xã Ea Ktur	H15.39.94	3
95	Công an xã Krông Ana	H15.39.95	3
96	Công an xã Dur Kmăl	H15.39.96	3
97	Công an xã Ea Na	H15.39.97	3
98	Công an phường Tuy Hòa	H15.39.98	3
99	Công an phường Phú Yên	H15.39.99	3
100	Công an phường Bình Kiến	H15.39.100	3
101	Công an xã Xuân Thọ	H15.39.101	3
102	Công an xã Xuân Cảnh	H15.39.102	3
103	Công an xã Xuân Lộc	H15.39.103	3
104	Công an phường Xuân Đài	H15.39.104	3
105	Công an phường Sông Cầu	H15.39.105	3
106	Công an xã Hòa Xuân	H15.39.106	3
107	Công an phường Đông Hòa	H15.39.107	3
108	Công an phường Hòa Hiệp	H15.39.108	3
109	Công an xã Tuy An Bắc	H15.39.109	3
110	Công an xã Tuy An Đông	H15.39.110	3
111	Công an xã Ô Loan	H15.39.111	3
112	Công an xã Tuy An Nam	H15.39.112	3
113	Công an xã Tuy An Tây	H15.39.113	3
114	Công an xã Phú Hòa 1	H15.39.114	3
115	Công an xã Phú Hòa 2	H15.39.115	3

STT	Tên đơn vị theo con dấu đang sử dụng	Mã định danh mới theo QĐ 20/QĐ-TTg	Cấp
116	Công an xã Tây Hòa	H15.39.116	3
117	Công an xã Hòa Thịnh	H15.39.117	3
118	Công an xã Hòa Mỹ	H15.39.118	3
119	Công an xã Sơn Thành	H15.39.119	3
120	Công an xã Sơn Hòa	H15.39.120	3
121	Công an xã Vân Hòa	H15.39.121	3
122	Công an xã Tây Sơn	H15.39.122	3
123	Công an xã Suối Trai	H15.39.123	3
124	Công an xã Ea Ly	H15.39.124	3
125	Công an xã Ea Bá	H15.39.125	3
126	Công an xã Đức Bình	H15.39.126	3
127	Công an xã Sông Hình	H15.39.127	3
128	Công an xã Xuân Lãnh	H15.39.128	3
129	Công an xã Phú Mỹ	H15.39.129	3
130	Công an xã Xuân Phước	H15.39.130	3
131	Công an xã Đồng Xuân	H15.39.131	3